

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17/7/2024.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Duy Chuyên.

Bà Trịnh Thị Loan

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 118/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/7/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Hà Thị L, sinh năm 1983. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu B, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

*Bị đơn:* Anh Trương Văn L1, sinh năm 1978. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2024, bản tự khai ngày 10/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn L1 tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 07/11/2004. Trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, do không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2015 cho đến nay hai người sống ly thân không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L1.

Về con: Chị và anh **Trương Văn L1** có ba con chung là **Trương Thị N**, sinh ngày 30/10/2006, **Trương Văn L2**, sinh ngày 12/4/2011 và **Trương Thị T**, sinh ngày 25/5/2013. Nguyên vọng của chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Trương Thị T**, giao hai cháu **Trương Thị N** và **Trương Văn L2** cho anh **L1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị **Hà Thị L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2024, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Trương Văn L1** trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị **Hà Thị L** kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn do **UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ** cấp ngày 07/11/2004. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị **L** có người đàn ông khác bên ngoài nên vợ chồng mâu thuẫn và chị **L** tự bỏ đi cho đến nay. Nay chị **L** làm đơn ly hôn mặc dù hai người sống ly thân đã lâu nhưng anh cũng không đồng ý ly hôn. Nếu chị **L** muốn anh đồng ý ly hôn thì phải về để trả số tiền mà khi chị **L** bỏ đi đã đem theo.

Về con: Anh và chị **L** có ba con chung là **Trương Thị N**, sinh ngày 30/10/2006, **Trương Văn L2**, sinh ngày 12/4/2011 và **Trương Thị T**, sinh ngày 25/5/2013. Hiện nay hai cháu **N** và cháu **L2** đang ở với anh, cháu **T** ở với chị **L**. Nay ly hôn nguyên vọng của anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu như lâu nay đang ở với anh, cháu **Trương Thị T** giao cho chị **L1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh không yêu cầu giải quyết, mặc dù anh yêu cầu chị **L** về trả nợ nhưng số nợ đó hiện nay anh cũng đã trả hết nên nếu cô **L** muốn anh đồng ý ly hôn thì phải về trả lại số tiền mà cô **L** vay anh phải trả cho họ, nay chị **L** trả cho anh để anh nuôi con.

Theo đơn yêu cầu của chị **Hà Thị L**, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, con chung giữa chị **Hà Thị L** và anh **Trương Văn L1**.

Biên bản xác minh tham khảo ý kiến của cơ quan Nhà nước về gia đình về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng trong vụ án Hôn nhân và Gia đình ngày 13/5/2024 tại **thôn S** và **UBND xã H, huyện H** thể hiện: Chị **Hà Thị L** và anh **Trương Văn L1** kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn do **UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ** cấp ngày 07/11/2004. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn với nhau trong gia đình và chị **L** đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2015 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Thời điểm hai bên mâu thuẫn và chị **L** bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và nay làm đơn ly hôn chị **L** không gửi đơn đến thôn và xã để tiến hành hòa giải mà gửi trực tiếp đến Tòa án để giải quyết nên chính quyền địa phương không biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chị **L**, anh **L1** nên không tổ chức hòa giải được. Do đó Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con: Chị **Hà Thị L** và anh **Trương Văn L1** có ba con chung là **Trương Thị N**, sinh ngày 30/10/2006, **Trương Văn L2**, sinh ngày 12/4/2011 và **Trương Thị T**, sinh ngày 25/5/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu đầu và cháu thứ hai ở với anh **L1**,

cháu thứ ba ở với chị **L**

Về sự có mặt của anh **Trương Văn L1** tại địa phương: Anh **Trương Văn L1** đang có hộ khẩu thường trú và đang có mặt tại gia đình ở **thôn S, xã H, huyện H**, còn chị **Hà Thị L** đã chuyển khẩu về nhà bố mẹ đẻ ở tại **xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Hà Thị L** đối với anh **Trương Văn L1**, cho chị **Hà Thị L** được ly hôn với anh **Trương Văn L1**.

Về con: Giao cháu **Trương Thị N** và **Trương Văn L2** cho anh **Trương Văn L1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu **Trương Thị T** cho chị **Hà Thị L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản, công nợ: Chị **L** và anh **L1** không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị **Hà Thị L** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị **Hà Thị L** khởi kiện ly hôn anh **Trương Văn L1** có hộ khẩu thường trú tại **thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hà Thị L** và anh **Trương Văn L1** kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được **UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ** cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 2004, như vậy hôn nhân giữa chị **L** và anh **L1** là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị **L** và anh **L1**: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, do không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2015 cho đến nay hai người sống ly thân không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn khả năng hàn gắn

đoàn tụ được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **L1**.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị **L** vẫn cương quyết xin ly hôn vì tình cảm giữa chị với anh **L1** thực sự không còn, anh **L1** không đồng ý ly hôn mặc dù hai người sống ly thân đã lâu và cũng không đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ. Thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa chị **L** và anh **L1** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **L**, xử cho chị **L** được ly hôn anh **L1** là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] Về con: Chị **Hà Thị L** và anh **Trương Văn L1** đều thống nhất có ba con chung là **Trương Thị N**, sinh ngày 30/10/2006, **Trương Văn L2**, sinh ngày 12/4/2011 và **Trương Thị T**, sinh ngày 25/5/2013.

Quá trình giải quyết vụ án chị **L** có nguyện vọng nuôi cháu thứ ba là **Trương Thị T**, giao hai cháu **Trương Thị N** và **Trương Văn L2** cho anh **L1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh **L1** cũng thống nhất và có nguyện vọng được nuôi cháu **N** và cháu **L1**, giao cháu **T** cho chị **L** nuôi dưỡng, hai bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Để không xáo trộn cuộc sống cũng như việc học tập của các cháu cần chấp nhận nguyện vọng của anh **L1** và chị **L** cũng như nguyện vọng của các cháu. Giao cháu **N** và cháu **L2** cho anh **L1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu **T** cho chị **L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai bên và của các cháu. Anh **L1**, chị **L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản: Chị **L** và anh **L1** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về công nợ: Anh Luận đề nghị chị **L** trả cho anh số tiền mà trước khi chị **L** đi đã vay của một số người, tuy nhiên anh cũng không đưa ra số tiền cụ thể là bao nhiêu, vay của ai. Quá trình giải quyết vụ án anh cũng không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về tố tụng: Chị **Hà Thị L** và anh **Trương Văn L1** đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyện đơn và bị đơn.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị **Hà Thị L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị L.

Về hôn nhân: Chị Hà Thị L được ly hôn anh Trương Văn L1.

Về con: Chị Hà Thị L và anh Trương Văn L1 đều thống nhất có ba con chung là Trương Thị N, sinh ngày 30/10/2006, Trương Văn L2, sinh ngày 12/4/2011 và Trương Thị T, sinh ngày 25/5/2013.

Giao cho anh Trương Văn L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Thị N và Trương Văn L2; giao cho chị Hà Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Thị T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của hai bên.

Về tài sản, công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Hà Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003821 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa (Chị L đã thi hành xong).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Quyền kháng cáo: Chị Hà Thị L và anh Trương Văn L1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã Đại Nghĩa, huyện Đoan Hùng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Đã ký)*

**Cao Thị Nga**